TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2023/HNGĐ – ST
Ngày 27/03/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hòa.

Ông Nguyễn Sỹ Nghị.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Hằng - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07a/2023/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T – sinh năm 1981. (Có mặt).

Nơi cư trú: xóm Liên H, xã Nghĩa Th, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị H – sinh năm 1987. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: xóm Liên H, xã Nghĩa Th, huyện Nghĩa Đàn, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Anh T và chị Lê Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 08 năm 2006 tại UBND xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đ, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do chị Hường có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, không chăm lo, quan tâm cuộc sống gia đình. Anh Tuấn đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không thay đổi, do đó cuộc sống vợ chồng không còn mặn mà với nhau nữa và hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu

năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa, anh T xét thấy không còn tình cảm với chị H nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/7/2007 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 16/10/2010. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xin rút về yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai và lời trình bày trong quá trình hòa giải như sau: Về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như anh T trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng thương xuyên xẩy ra bất đồng quan điểm do không hợp tính nhau và anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác nên cuộc sống vợ chồng lục đục đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhau rồi rút đơn quay lại sống đoàn tụ với nhau nhưng cuốc sống vợ chồng không thay đổi và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay, hiện nay chị H không còn tình cảm với anh T nữa va đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh T.

Về con chung: Có 02 con chung như anh T trình bày là đúng, nêu ly hôn thì chị H có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: 01 nhà cấp 4 xây tường lợp mái tôn, 01 bộ bàn ghế bàng gỗ đinh hương, 01 tủ lạnh Sam sung, 01 bộ loa đài Karaoke, 02 bình lục bình bằng gỗ ké, 01 kệ ti vi bằng gỗ đinh hương, 02 cái giường bằng gỗ lát, 01 máy giặt LG, 01 ti vi Sam sung, 01 bộ bàn ăn bằng gỗ lát, 01 tủ đựng đồ 4 buồng bằng gỗ lát và một số tài sản khác. Nếu anh T yêu cầu chia thì chị đồng ý chia đôi. Đối với 100m^2 đất ở thì của ông bà nên trả lại cho ông bà ngoại.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các giấy tờ hợp lệ, làm thủ tục niêm yết công khai tại địa phương nhưng vẫn không chấp hành.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Anh T là được ly hôn với chị Lê Thị H. Về con cái: Đề nghị giao các con chung cho anh Nguyễn Anh T được quyền trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H vì anh T không yêu cầu. Về tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Anh T.

2. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị H có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xẩy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì hai bên cũng không liên lạc hỏi thăm và quan tâm gì đến nhau, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần phải chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Anh T là được ly hôn với chị Lê Thị H.

4. Về quan hệ con chung: Anh T và chị H có hai con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/7/2007 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 16/10/2010. Nguyện vọng của các đương sự đều muốn nuôi con chung. Xét nguyện vọng của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay chị H không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì thì anh T không biết. Đồng thời hiện nay hai cháu đang ở với anh T. Do vậy, để cuộc sống của con chung được ổn định, không bị xáo trộn về mặt sinh hoạt, học tập thì nên cần giao con chung cho anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì anh T không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

5. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh T yêu cầu chia tài sản chung, nhưng trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay anh T xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử về yêu cầu chia tài sản chung.

6. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, điều 147, Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1/ Đình chỉ xét xử phần yêu cầu chia tài sản chung do anh T rút yêu cầu.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Anh T là được ly hôn với chị Lê Thị H.

3/ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Anh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 12/7/2007 và Nguyễn Quốc Th, sinh ngày 16/10/2010.Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H do anh T không yêu cầu; Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về chia tài sản, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

5/ Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.460.000 đồng *(Mười sáu triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)* tại biên lai thu tiền số 0005611 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn, số tiền thừa trả lại cho anh T.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND h. Nghĩa Đàn;*
- *Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *UBND xã Nghĩa Th, h. Nghĩa Đàn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Sỹ Nghị **Vũ Văn Hòa** **Lương Anh Xuân**